

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13/12/2023

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Lệ

Ông Nguyễn Thế Khải

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Cẩm T**, sinh năm 2001 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh **G. Fardin**, sinh năm 1994. Quốc tịch: Hoa Kỳ.

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 25/11/2022, đơn xin vắng mặt đề ngày 04/7/2023, nguyên đơn là chị Phạm Thị Cẩm T trình bày:

Chị và anh G. Fardin quen biết nhau qua mai mối. Anh chị gặp nhau vào đầu năm 2019, sau khi tìm hiểu thì quyết định tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 17/02/2020.

Sau khi kết hôn, anh Fardin về nước, anh chị mất liên lạc sau vài tháng cho đến thời điểm hiện tại. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh G. Fardin.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh G. Fardin đã được Tòa án tổng đạt “Thông báo thụ lý vụ án” theo địa chỉ ghi nhận tại Giấy đăng ký kết hôn số 02 ngày 17 tháng 02 năm 2020 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp. Tuy nhiên, theo văn bản số 1057/BTP-PLQT ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tư pháp thì cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ không thực hiện được việc ủy thác tư pháp theo địa chỉ nêu trên. Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tổ tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã yêu cầu Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ Quán về việc thụ lý vụ án và Đại sứ quán đã có công điện phúc đáp về Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang vào ngày 28/8/2023. Đến nay Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang vẫn chưa nhận được bản tự khai trình bày ý kiến của anh G. Fardin đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Phạm Thị Cẩm T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp “Xin ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2]. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 04/7/2023. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ “Thông báo thụ lý vụ án” bằng hình thức thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tổ tụng dân sự nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Cẩm T và anh G. Fardin tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 17/02/2020, nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh G. Fardin được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T trình bày, ngay sau khi kết hôn anh G. Fardin trở về Hoa Kỳ sinh sống, chị T sống tại Việt Nam. Vài tháng sau khi kết hôn thì cả hai hoàn toàn mất liên lạc với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Fardin.

Xét thấy, yêu cầu của chị T là có căn cứ, phù hợp pháp luật bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....”* nhưng anh chị đã không làm tròn nghĩa vụ vợ chồng. Sau khi kết hôn thì anh G. Fardin trở về Hoa Kỳ sinh sống và không còn liên hệ gì với chị T. Vợ chồng anh chị sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh G. Fardin là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Xét ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Về chi phí tố tụng: Chị T đã nộp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; điểm c Khoản 6 Điều 477; Khoản 1, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Cẩm T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Cẩm T ly hôn với anh G. Fardin.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000415 ngày 25/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Cẩm T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đối với anh G. Fardin thời hạn kháng cáo là 01 tháng tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy